

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HS-ST
Ngày 17-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Hữu Bình;

Bà Nguyễn Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tuấn H (tên gọi khác: M), sinh năm 1993, tại Bình Dương; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị N; tiền sự: Không; tiền án: Có 02 tiền án:

- Ngày 04/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, tuyên phạt 06 năm tù về tội Cướp tài sản, tại Bản án số 80/2014/HS-ST. Chấp hành án tại Trại giam X, ngày 11/10/2018 chấp hành xong án phạt tù (chưa xóa án tích do chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường).

- Ngày 06/7/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, tuyên phạt 01 năm 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 51/2021/HS-ST (thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2020). Chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh B, ngày 16/12/2021 chấp hành xong hình phạt tù (chưa xóa án tích).

Nhân thân:

Ngày 14/9/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 53/2023/HSST.

Bị bắt để thi hành án ngày 17/11/2023. Có mặt.

2. Trần Anh T (tên gọi khác: S), sinh năm 1990, tại Bình Dương; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 và bà Hoàng Thị H1; Vợ Huỳnh Thị Mộng H2 (bị cáo khai đã ly hôn); bị cáo có 01 con sinh năm 2014; tiền sự: Không; tiền án: Có 02 tiền án:

Nhân thân:

Ngày 25/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 42 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 89/2014/HSST. Ngày 23/12/2016 thì chấp hành xong hình phạt tù (đã xóa án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980. HKTT: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1981. HKTT: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Ánh H3, sinh năm 1986. HKTT: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Mai Xí Văn T2, sinh năm 1972. HKTT: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1971. HKTT: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Mai Xí Văn T2. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T3. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn Tuấn H và Trần Anh T là bạn bè. Do không có tiền tiêu xài nên H và T rủ nhau trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 01/02/2023, bị cáo Trần Anh T điều khiển xe mô tô không rõ biển số, nhãn hiệu: HONDA, loại: Cup, màu sơn xanh đi đến ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương chở bị cáo Nguyễn Tuấn H đi chơi. Khi đi ngang công trình đang xây dựng tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, trên phần đất của bà Nguyễn Thị P không có người trông coi nên T nảy sinh ý định lén lút vào trộm cắp tài sản của công trình để bán lấy tiền tiêu xài nên T rủ H lấy trộm 03 khung sắt có kích thước khoảng 74 cm x 74 cm để lên xe mô tô rồi cùng nhau đem đến bán tại chợ thu mua phế liệu (không bằng hiệu) tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương do vợ chồng ông Mai Xí Văn T2 và bà

Nguyễn Thị Thanh T3 cùng ngụ ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương với giá 560.000 đồng (giá trị tài sản khi định giá là 2.062.000 đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 04/02/2023, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 61R3 – 2670, nhãn hiệu YAMAHA, loại: NOUVO, màu sơn đỏ đen đi đến nhà bị cáo T tại ấp L, xã L, huyện D để rủ T đi đến công trình nhà bà P trộm khung sắt để bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. H và T lấy trộm 02 khung sắt kích thước khoảng 74 cm x 74 cm tiếp tục đến bán tại vừa thu mua phế liệu của vợ chồng ông T2 và bà T3 với giá 322.000 đồng (giá trị tài sản khi định giá là 1.375.000 đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 07/02/2023, bị cáo T rủ bị cáo H đi đến công trình nhà bà P trộm khung sắt để bán lấy tiền tiêu xài thì H đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số 61R3 – 2670, nhãn hiệu YAMAHA, loại: NOUVO, màu sơn đỏ đen chở T lấy trộm 03 khung sắt có kích thước khoảng 74 cm x 74 cm đem đến bán tại vừa thu mua phế liệu của vợ chồng ông T2 và bà T3 với giá 483.000 đồng (giá trị tài sản khi định giá là 2.062.000 đồng).

Do công trình ngưng hoạt động từ ngày 19/01/2023 đến ngày 08/02/2023, khi hoạt động lại thì bà P phát hiện mất số khung sắt trên nên đã đến Công an xã L, huyện D trình báo sự việc. Quá trình xác minh ban đầu, Công an xã đã mời T và H đến làm việc. Tại Công an xã L và H đã thừa nhận hành vi trộm 08 khung sắt kích thước khoảng 74 cm x 74 cm tại công trình nhà bà P.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 24/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện D kết luận 08 khung sắt hình vuông đã qua sử dụng, có chiều dài mỗi cạnh là 74 cm, khối lượng mỗi khung sắt là 23,2 kg các bị cáo lấy trộm vào ngày 01/02/2023, ngày 04/02/2023 và ngày 07/02/2023 có giá 5.500.000 đồng.

Đối với hành vi của ông Mai Xí Văn T2 và bà Nguyễn Thị Thanh T3 mua 08 khung sắt kích thước khoảng 74 cm x 74 cm do các bị cáo Nguyễn Tuấn H và Trần Anh T. Quá trình điều tra xác định, ông T2 và bà T3 không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại Cáo trạng số 60/CT-VKSĐT ngày 03/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 (tám) tháng tù của Bản án số 53/2023/HSST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án từ 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù đến 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Anh T từ 10 đến 12 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị trả cho bà Huỳnh Thị Kim A xe mô tô nhãn hiệu xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại N1, loại xe: hai bánh, màu sơn: đỏ đen, dung tích xi lanh: 133cm³, biển số 61R3-2670, số máy 5P11-203201, số khung RLCN5P110AY203200.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Cup 50, loại xe hai bánh, màu sơn: xanh, dung tích xi lanh: 49cm³, biển số: không có, số máy C50E-8058389, số khung C50-8058278 do không có giấy tờ hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Tuấn H, Trần Anh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không tranh luận với ý kiến luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng, các bị cáo hối hận về việc đã làm, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra, bị hại bà Nguyễn Thị P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt đối với các bị cáo.

Trong quá trình điều tra, tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/8/2023 ngày 16/8/2023 (bút lục số 136 và 141), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Mai Xí Văn T2 và bà Nguyễn Thị Thanh T3 không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã mua 08 khung sắt (đã bị thu hồi).

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/7/2023 (bút lục số 125), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Huỳnh Thị Kim A đề nghị được nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại N1, loại xe: hai bánh, màu sơn: đỏ đen, dung tích xi lanh: 133 cm³, biển số 61R3-2670, số máy 5P11-203201, số khung RLCN5P110AY203200.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/02/2023 (bút lục số 132), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Ánh H3 trình bày, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Super Cup 50, loại xe hai bánh, màu sơn: xanh, dung tích xi lanh: 49cm³, biển số: không có, số máy C50E-8058389, số khung C50-8058278 mua ở tỉnh Tây Ninh được khoảng 15 năm, xe không có giấy tờ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Tuấn H, Trần Anh T khai nhận: Trong các ngày 01/02/2023; 04/02/2023 và ngày 07/02/2023, các bị cáo đã lấy trộm tổng cộng 08 cái khung sắt có kích thước khoảng 74 cm x 74 cm của bị hại bà Nguyễn Thị P tại công trình đang xây dựng của bị hại ở ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương và bán cho vừa phước liệu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Mai Xí Văn T2 và bà Nguyễn Thị Thanh T3 bán với giá 1.365.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐG ngày 24/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận 08 khung sắt có giá 5.500.000 đồng (03 khung sắt lấy trộm ngày 01/02/2023 có giá trị 2.062.000 đồng; 02 khung sắt lấy trộm ngày 04/02/2023 có giá trị 1.375.000 đồng; 03 khung sắt lấy trộm ngày 07/02/2023 có giá trị 2.062.000 đồng). Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 60/CT-VKSDT ngày 03/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì động cơ tư lợi cho bản thân. Các bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, trong đó có 02 lần lấy trộm tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng. Do vậy cần phải xử các bị cáo với mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công nhau rõ ràng, không có sự câu kết chặt chẽ. Xét thấy cần phân tích tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt:

[4.1] Bị cáo Nguyễn Tuấn H từng bị xét xử về tội Cướp tài sản và tội Trộm cắp tài sản, bị cách ly khỏi xã hội một thời gian dài, thế nhưng sau khi

chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không biết quý trọng sự tự do, không biết quý trọng sự lương thiện để cố gắng cải sửa, làm người tốt mà tiếp tục phạm tội. Ngày 31/12/2022, bị cáo có hành vi trộm cắp chiếc mọt lỏi tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương và bị bắt quả tang, Cơ quan chức năng đang điều tra xử lý, thế nhưng bị cáo tiếp tục cùng bị cáo Trần Anh T thực hiện 03 lần lấy trộm tài sản của bị hại. Điều này cho thấy bị cáo không có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu hợp pháp của người khác. Trong vụ án này, vai trò của hai bị cáo là ngang nhau. Tuy nhiên, bị cáo H có 02 tiền án nên đã phạm vào tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, do vậy mức hình phạt đối với bị cáo là cao hơn bị cáo Trần Anh T, đồng thời phải tổng hợp hình phạt của Bản án số 53/2023/HSST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án.

[4.2] Bị cáo Trần Anh T: Năm 2014 đã bị xét xử về tội Cướp tài sản với mức hình phạt 42 tháng tù, thế nhưng bị cáo không nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật mà tiếp tục phạm tội.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tài sản được thu hồi trả cho bị hại; bị hại có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo H không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4.4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Các bị cáo phải chấp hành mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với 08 khung sắt hình vuông đã qua sử dụng, có chiều dài mỗi cạnh là 74 cm, khối lượng mỗi khung sắt là 23,2 kg. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị P. Ngày 14/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã tiến hành trả lại tài sản trên cho bà P theo Quyết định xử lý vật chứng số 20/QĐ ngày 14/8/2023 là phù hợp.

[6.2] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại N1, loại xe: hai bánh, màu sơn: đỏ đen, dung tích xi lanh: 133 cm³, biển số 61R3-2670, số máy 5P11-203201, số khung RLCN5P110AY203200 (không có gương chiếu hậu bên phải). Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do bà Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1973, cư trú tại khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu. Khoảng năm 2022, bà Y bán lại xe mô tô trên cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Huỳnh Thị Kim A. Bà A cho bị cáo Nguyễn

Tuấn H mượn xe mô tô sử dụng và không biết bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Do đó cần trả xe mô tô trên cho bà Huỳnh Thị Kim A.

[6.3] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Super Cup 50, loại xe hai bánh, màu sơn: xanh, dung tích xi lanh: 49 cm³, biển số: không có, số máy C50E-8058389, số khung C50-8058278. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Ánh H3 mua ở Tây Ninh nhưng không được đăng ký chủ sở hữu hợp pháp. Do đó, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6.4] Đối với số tiền 1.365.000 đồng các bị cáo bán 08 khung sắt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông T2, bà T3) không yêu cầu các bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị P đã nhận lại toàn bộ tài sản là 08 khung sắt nên không có yêu cầu gì thêm.

[8] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị về tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về hình phạt, xử lý vật chứng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 268, 269, 290, 292, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 46, Điều 48, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 56, 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn H, Trần Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

I. Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 56, 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn H 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 (tám) tháng tù của Bản án số 53/2023/HSST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2023.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Anh T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

II. Xử lý vật chứng:

1. Trả cho bà Huỳnh Thị Kim A 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số

loại N1, loại xe: hai bánh, màu sơn: đỏ đen, dung tích xi lanh: 133 cm³, biển số 61R3-2670, số máy 5P11-203201, số khung RLCN5P110AY203200 (không có gương chiếu hậu bên phải).

2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Super Cup 50, loại xe hai bánh, màu sơn: xanh rêu, dung tích xi lanh: 49cm³, biển số: không có, số máy C50E-8058389, số khung C50-8058278 (không có gương chiếu hậu, về chắn bùn trước bị vỡ một bên, không có ốp sườn bên trái).

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng đang tạm giữ (thể hiện Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương).

III. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Tuấn H và Trần Anh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

IV. Quyền kháng cáo:

- Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/11/2023).

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTP-CAH.Dầu Tiếng;
- CC. THADS huyện Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đỗ Thị Ngọc Lan